

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 07/01/2022

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Việt Thống

- Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 668/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2021/QĐXXST-DS ngày 09/8/2021, Thông báo chuyển lịch xét xử ngày 27/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2021/QĐST –DS ngày 30/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2021/QĐST –DS ngày 28/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày số 197/2021/QĐST –DS 26/11/2021, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 24/12/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: 35 HV, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trung T1 – chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân thuộc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh ĐN. (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 23/3 phường NT, thành phố GN, tỉnh ĐN

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã HK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam AP; địa chỉ: 507, xã AT, huyện PG, tỉnh Bình Dương

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị H (có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã HK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Kim L có hộ khẩu thường trú tại Thôn x, xã HK, thành phố B, Đắk Lắk đã vay tiền tại ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5058721 ký kết ngày 28/5/2015, số tiền vay là 480.000.000 đồng, mục đích vay là sửa chữa nhà ở và mua vật dụng gia đình, thời gian vay là 120 tháng, lịch trả nợ cụ thể là nợ gốc trả làm 120 kỳ, nợ lãi trả 02 tháng/lần

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5058721/HĐTD ký kết ngày 28/5/2016, số tiền vay là 520.000.000 đồng, mục đích vay là đầu tư sản xuất cà phê và vay tiêu dùng, thời gian vay là 12 tháng, lịch trả nợ cụ thể là nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả 01 tháng/lần. Ngày 08/2/2017 hai bên thống nhất điều chỉnh số tiền được vay lên 920.000.000 đồng.

Hai hợp đồng trên được thế chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

Hợp đồng thế chấp số 01/2017/5457215 ngày 20/01/2017, tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Mazda biển kiểm soát 47A-149.97, chủ sở hữu là Nguyễn Thị H (mẹ ruột của bà L) theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023914 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/12/2016.

Hợp đồng thế chấp số 01/2013/5058721/HĐTC ngày 16/7/2013 thế chấp 02 quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP122022 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim L, thửa đất số 443A6, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại xã HK, thành phố B, diện tích 368m² và Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ516259 được Ủy ban nhân dân thành phố B, cấp 09/3/2006 cho ông Trần Đình Tr, bà Nguyễn Thị D đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 14/7/2013, thửa đất số 363C, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại xã HK, thành phố B, diện tích 330m².

Ngày 27/7/2017 bà Nguyễn Thị H là chủ xe ô tô đã bàn giao xe cho ngân hàng để xử lý xóa nợ, ngân hàng đã thực hiện bán đấu giá xe ô tô này với giá 501.000.000 đồng, sau khi khấu trừ chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản Ngân hàng đã thu nợ gốc là 471.809.253 đồng.

Tính đến ngày 03/8/2020 tổng số tiền bà L còn nợ là 1.034.587.000 đồng trong đó: nợ gốc: 791.376.499 đồng, nợ lãi: 243.210.644 đồng

Tuy nhiên đến nay bà Nguyễn Thị Kim L đã không thực hiện trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên ngân hàng đã đòi nhiều lần nhưng bà L không hợp tác.

Nay ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả toàn bộ số nợ gốc là 791.376.499 đồng

và tiền lãi suất tính đến ngày 07/01/2022 là 473.342.887 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp bà L không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ thì ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*** Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Kim L và ngân hàng thương mại cổ phần Đ có ký hợp đồng tín dụng ngày 25/8/2015 số 01/2019/5058729 tổng số tiền gốc vay là bao nhiêu thì bà L không nhớ rõ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/năm và 01 món nợ về lãi suất là 7%/năm, thời hạn vay là 120 tháng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng đã nhận toàn bộ số tiền vay, bà L không nhớ rõ đã thanh toán cho Ngân hàng được bao nhiêu vì vậy bà L có ý kiến cần làm việc với ngân hàng.

Bà L thế chấp cho ngân hàng 02 thửa đất gồm thửa đất số 443A6 tờ bản đồ số 01 và thửa đất số 363c tờ bản đồ số 01 theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/5058721 ngày 15/7/2013 tài sản thế chấp là của bà L.

Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng vì khi bị bắt giam thì ngân hàng đã xử lý một số tài sản của bà L mà không thông báo cho bà biết, hiện tại bà L không nắm rõ còn nợ bao nhiêu tiền gốc và bao nhiêu tiền lãi và yêu cầu được làm việc với ngân hàng.

*** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Tôi là mẹ của bà L, trong quá trình bà L vay tiền của ngân hàng thì tôi có dùng tài sản là chiếc xe 47A – 149.97 nhãn hiệu Mazda do tôi đứng tên để thế chấp cho ngân hàng nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho con gái tôi đối với khoản tiền 400.000.000 đồng, do con gái tôi gặp khó khăn nên tôi đã giao xe cho ngân hàng để xử lý khoản nợ của con gái tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải trả số tiền nợ gốc 791.376.499 đồng, 473.342.887 đồng tiền lãi suất, cụ thể: Đối với hợp đồng số 01/2015/5058721/HĐTD ngày 28/5/2015: Nợ gốc: 256.00.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07/01/2022 là 419.631.249 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết với nhau cho đến khi trả hết nợ gốc. Đối với hợp đồng số 01/2016/5058721/HĐTD ngày 06/5/2016: Nợ gốc: 535.376.499 đồng tiền gốc: 309.711.638 đồng tiền lãi suất và tiếp tục trả lãi phát sinh theo

mức lãi suất mà hai bên đã ký kết với nhau cho đến khi trả hết nợ gốc. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 28/5/2015, Ngân hàng TMCP Đ có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5058721 với bà Nguyễn Thị Kim L, theo hợp đồng các bên thỏa thuận: Số tiền vay là 480.000.000 đồng, mục đích vay là sửa chữa nhà ở và mua vật dụng gia đình, thời gian vay là 120 tháng, lịch trả nợ cụ thể là nợ gốc trả làm 120 kỳ, nợ lãi trả 02 tháng/lần.

Ngày 06/5/2016, Ngân hàng TMCP Đ có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5058721/HĐTD với bà Nguyễn Thị Kim L, theo hợp đồng các bên thỏa thuận: Số tiền vay 520.000.000 đồng, đến ngày 08/02/2017 các bên ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2017/5058721/HĐTD, theo văn bản này thì bà L được cấp hạn mức là 920.000.000 đồng. Mục đích vay là đầu tư sản xuất cà phê và vay tiêu dùng, thời gian vay là 12 tháng, lịch trả nợ cụ thể là nợ gốc trả cuối kỳ, nợ lãi trả 01 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị Kim L là giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, hợp đồng này có hiệu lực pháp luật sau khi các bên ký kết với nhau.

Để đảm bảo khoản vay, bà Nguyễn Thị Kim L đã thế chấp tài sản là 02 quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP122022 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim L, thửa đất số 443A6, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại xã HK, thành phố B, diện tích 368m² và Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ516259 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp 09/3/2006 cho ông Trần Đình Tr, bà Nguyễn Thị D đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 14/7/2013, thửa đất số 363C, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại xã HK, thành phố B, diện tích 330m². Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/5058721/HĐTC ngày 15/7/2013, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/5058721/SĐBS ngày 25/5/2015

và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 01/2017/5457215/HĐBĐ ngày 20/01/2017 theo hợp đồng này bà Nguyễn Thị H dùng tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, số máy p520359105, số khung 4AA6GC034676, số loại 3 15G AT SD, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023914 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/12/2016 cho bà Nguyễn Thị H. Việc thế chấp chiếc xe này được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã giao tiền cho bà L theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, bà L mới thanh toán được một phần khoản nợ, ngân hàng đã giải chấp đối với Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP122022 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim L, thửa đất số 443A6, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại xã HK, thành phố B, diện tích 368m² và bà Nguyễn Thị H đã bàn giao tài sản thế chấp là chiếc ô tô để ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Hiện nay bà L chưa thanh toán hết số tiền đã vay cho ngân hàng dù đã được nhắc nhở nhiều lần, ngân hàng đã tiến hành làm việc với bà L để yêu cầu bàn giao tài sản thế chấp để xử lý nợ nhưng bà L không tự nguyện xử lý tài sản thế chấp để thanh toán tiền cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của người vay được quy định tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 01/2019/5058729 đã được các bên ký kết ngày 28/5/2015 và Điều 1 Hợp đồng tín dụng số 01/2019/5058729 đã được các bên ký kết ngày 06/5/2016.

Do đó, việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải trả cho ngân hàng số tiền 791.376.499 đồng tiền gốc và 473.342.887 đồng tiền lãi suất, cụ thể: Đối với hợp đồng số 01/2015/5058721 ngày 28/5/2015: Nợ gốc: 256.00.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07/01/2022 là 163.631.249 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết với nhau cho đến khi trả hết nợ gốc. Đối với hợp đồng số 01/2016/5058721 ngày 06/5/2016: Nợ gốc: 535.376.499 đồng tiền gốc: 309.711.638 đồng tiền lãi suất và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết với nhau cho đến khi trả hết nợ gốc.

Sau khi bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm trả cho bà L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ516259 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp 09/3/2006 cho ông Trần Đình Tr, bà Nguyễn Thị D đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 14/7/2013.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AĐ516259 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp 09/3/2006 cho ông Trần Đình Tr, bà Nguyễn Thị D đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 14/7/2013 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/5058721/HĐTC ngày 15/7/2013, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/5058721/SĐBS ngày 25/5/2015.

[3.2] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với chi phí là 1.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ quy định tại Điều 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu chi phí xem xét thẩm định với số tiền 1.000.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.000.000 đồng sau khi thu được của bà Nguyễn Thị Kim L

[3.3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 36.000.0000 đồng + (3% x 464.719.386 đồng) = 49.941.581 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 348, Điều 349, Điều 355, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 1.264.719.386 đồng, gồm: 791.376.499 đồng nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 07/01/2022 là 473.342.887 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015/5058721/HĐTD đã được các bên ký kết ngày 28/5/2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5058721 đã được các bên ký kết ngày 06/5/2016, cho đến khi trả hết nợ gốc.

Sau khi bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán hết các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm trả cho bà L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ516259 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp 09/3/2006 cho ông Trần Đình Tr, bà Nguyễn Thị D đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 14/7/2013.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AĐ516259 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp 09/3/2006 cho ông Trần Đình Tr, bà Nguyễn Thị D đăng ký biến động cho bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 11/4/2013 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/5058721/HĐTC ngày 15/7/2013.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 1.000.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng sau khi thu được của bà Nguyễn Thị Kim L.

[3] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 49.941.581 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 21.519.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0013304 ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THA DS TP BMT;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Văn Dự

